

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ vào Khoản 4 Điều 397, Điều 212, Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Căn cứ vào Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn” thụ lý số 433/2020/HNST ngày 31 tháng 07 năm 2020, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Ông Lê Thanh P, sinh năm 1996

Thường trú: xã A, huyện T, tỉnh Đồng Tháp

Tạm trú: đường Q, tổ T, khu phố M, phường P, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh

- Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1997

Thường trú: thị trấn O, huyện T, tỉnh An Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị T và ông Lê Thanh P được xác lập vào năm 2017, có đăng ký kết hôn quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình (Giấy chứng nhận kết hôn số 73 do Ủy ban nhân dân Thị trấn O, huyện T, tỉnh An Giang đăng ký ngày 19/07/2017) nên đây là hôn nhân hợp pháp, do đó khi có yêu cầu ly hôn được áp dụng các quy định về ly hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình và thủ tục giải quyết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình chung sống giữa bà Nguyễn Thị T và ông Lê Thanh P phát sinh nhiều mâu thuẫn, đồng thời cả hai đều nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được, đã ly thân từ tháng 10/2017, không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng nên tự nguyện thuận tình ly hôn và yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn là phát sinh việc dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

Xét thấy, tình cảm giữa bà Nguyễn Thị T và ông Lê Thanh P đã thật sự không còn, không có khả năng đoàn tụ. Việc thuận tình ly hôn của bà T và ông P là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội nên chấp nhận.

[2] Về con chung: Ông Lê Thanh P và bà Nguyễn Thị T xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về tài sản chung: Ông Lê Thanh P và bà Nguyễn Thị T xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung, nợ riêng: Ông Lê Thanh P và bà Nguyễn Thị T xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về lệ phí việc dân sự: Ông Lê Thanh P và bà Nguyễn Thị T tự nguyện nộp toàn bộ lệ phí theo quy định về lệ phí, án phí của Tòa án.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành là ngày 10 tháng 08 năm 2020, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị T và ông Lê Thanh P thuận tình ly hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số 73 do Ủy ban nhân dân Thị trấn O, huyện T, tỉnh An Giang đăng ký ngày 19/07/2017 không còn giá trị pháp lý).

1.2. Về con chung: Ông Lê Thanh P và bà Nguyễn Thị T xác nhận không có.

1.3. Về tài sản chung: Ông Lê Thanh P và bà Nguyễn Thị T xác nhận không có.

1.4. Về nợ chung: Ông Lê Thanh P và bà Nguyễn Thị T xác nhận không có.

1.5. Về lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự Ông Lê Thanh P và bà Nguyễn Thị T cùng chịu lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng lệ phí số AA/2018/0032842 ngày 31/07/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Các đương sự đã nộp đủ lệ phí.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

2. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục Phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Tp.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Tp.HCM;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Tp.HCM
- Đương sự;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án (Dung).

THẨM PHÁN

Nguyễn Ngọc San Hà